TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 61/2019/QĐST-HNGĐ	*Ân Thi, ngày 06 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 57/2019/TLST - HNGĐ ngày 08/4/2019 giữa:

- Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Văn Q - sinh năm 1976**
- Bị đơn: **Chị Đỗ Thị T - sinh năm 1983**
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Cháu Nguyễn Thị N SN 2002**
2. **Cháu Nguyễn Thị V SN 2006**
3. **Cháu Nguyễn Tiến Đ SN 2009**

Người đại diện của ba cháu: Anh Q.

Đều trú tại: Thôn X, xã C, Ân Thi, Hưng Yên.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26/4/2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26/4/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn Q và chị Đỗ Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Văn Q và chị Đỗ Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị N SN 08/08/2002, Nguyễn Thị V SN 20/9/2006 và Nguyễn Tiến Đ SN 08/8/2009. Anh chị thỏa thuận để anh Q nuôi cả ba con chung cho đến khi thành niên, chị T cấp dưỡng nuôi con 700.000đ/tháng/cháu kể từ tháng 5/2019 cho đến khi các cháu thành niên. Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày anh Q có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu chị T chậm trả khoản tiền nói trên thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Anh Q tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí STDS (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0000240 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Hoàn lại anh Q số tiền 150.000 đ. Chị T phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Ân Thi.*
- *THA dân sự huyện Ân Thi*
- *UBND xã Cẩm Ninh*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*

Phạm Bá Hân